

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 16/7/2019
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Anh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Nguyệt

2. Bà Lê Thị Thiện

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Phạm Thanh Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Ngọc Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 503/2019/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2019/QĐST - HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Bùi Kim H, sinh năm 1985; nơi ĐKKHKT: Tổ 9, ấp Kh, xã Kh, huyện Ch, tỉnh A; tạm trú: Số 121A/2, khu phố 1B, phường A, thị xã Th, tỉnh B.

Bị đơn: Ông Lê Thành Ph, sinh năm 1982; nơi ĐKKHKT: Tổ 9, ấp Kh, xã Kh, huyện Ch, tỉnh A; tạm trú: Số 121A/2, khu phố 1B, phường A, thị xã Th, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/3/2019, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà Bùi Kim H trình bày:

Bà H và ông Ph tự nguyện tìm hiểu đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Kh, huyện Ch, tỉnh A giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 173, quyển số 01 ngày 13/7/2005. Quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm vì vậy thường xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau. Bà H đã nhiều lần cho ông Ph cơ hội

nhưng ông Ph không chịu sửa đổi. Nay bà H nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với ông Ph.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lê Thành K, sinh ngày 24/10/2000 và Lê Thị Mỹ H, sinh ngày 19/8/2008. Khi ly hôn bà H yêu cầu được nuôi con Lê Thị Mỹ H, không yêu cầu ông Ph dưỡng nuôi con.

Đối với con Lê Thành K đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn ông Lê Thành Ph trình bày:

Thống nhất với lời trình bày của bà H về thời gian, điều kiện kết hôn, con chung và nguyên nhân mâu thuẫn. Ông Ph cho rằng còn tình cảm với bà H nên muốn bà H cho ông Ph thêm cơ hội để thay đổi xây dựng lại hạnh phúc gia đình, cùng nhau nuôi dạy con cái.

Ông Ph được triệu tập hợp lệ nhưng không đến dự phiên tòa.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Bà H khởi kiện ông Ph yêu cầu được ly hôn, ông Ph hiện đang trú tại phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Thuận An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Ông Ph được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng không đến dự phiên tòa, do đó Tòa án xét xử vắng mặt ông Ph theo quy định tại Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Bà H và ông Ph tự nguyện tìm hiểu đăng ký kết hôn vào ngày 13/7/2005 tại UBND xã Kh, huyện Ch, tỉnh A theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 173, quyển số 01, nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

Quá trình tố tụng bà H và ông Ph đều xác định cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, tuy

nhiên ông Ph muốn bà H cho thêm cơ hội để thay đổi. Xét thấy, mâu thuẫn của vợ chồng bà H và ông Ph kéo dài, năm 2018 bà H cũng đã đưa đơn ra Tòa yêu cầu được ly hôn nhưng sau đó rút đơn về để ông Ph có cơ hội sửa chữa. Tuy nhiên, đã gần một năm mà ông Ph không thay đổi nên bà H tiếp tục nộp đơn yêu cầu được ly hôn. Như vậy, hôn nhân giữa bà H và ông Ph đã trầm trọng, đời sống chung không thể có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà H được ly hôn với ông Ph.

Về con chung: Vợ chồng bà H và ông Ph có 02 con chung là Lê Thành K, sinh ngày 24/10/2000 và Lê Thị Mỹ H, sinh ngày 19/8/2008. Bà H yêu cầu được nuôi con Lê Thị Mỹ H, không yêu cầu ông Ph cấp dưỡng nuôi con. Đối với con Lê Thành K đã thành niên, đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét thấy, ông Ph đã được triệu tập hợp lệ nhưng không tham dự phiên tòa. Như vậy, ông Ph đã từ bỏ quyền trình bày của mình. Để cháu H được ổn định cuộc sống cũng như việc học tập nên cần giao cháu cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà H không yêu cầu ông Ph cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Kim H đối với bị đơn ông Lê Thành Ph về ly hôn, tranh chấp nuôi con.

- Về hôn nhân: Bà Bùi Kim H được ly hôn với ông Lê Thành Ph.

- Về con chung: Giao con chung Lê Thị Mỹ H, sinh ngày 19/8/2008 cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà H không yêu cầu ông Ph cấp dưỡng nuôi con.

Các đương sự có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Vì lợi ích hợp pháp của con, khi có yêu cầu Tòa án có thể thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Bùi Kim H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai số 0035084 ngày 22/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Thuận An;
- Chi cục THADS thị xã Thuận An;
- **UBND xã Kh, huyện Ch, tỉnh A;**
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Anh Thư

